

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO YÊN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Giang Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Quý Sáng

2. Ông Trần Bá Đường

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai** tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Bản 5 xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Bản 5 xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 27/10/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2010 tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp tính nhau thường xuyên bất đồng quan điểm cãi vã nhau, không thống nhất trong làm ăn kinh tế nuôi dạy con cái. Năm 2014 anh chị chuyển về sinh sống tại xã Đ huyện Bảo Yên thì mâu thuẫn vẫn

tiếp tục xảy ra. Đầu năm 2020 anh N ra ngoài đi làm ăn, từ đó đến nay ít khi về nhà và vợ chồng ly thân không quan tâm tới nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung, vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tuyết M sinh ngày 12/10/2013. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu và không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra hiện nay anh chị không có tài sản chung và công nợ chung.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N, Toà án đã xác minh anh N sinh sống tại bản 5 xã Đ nhưng hiện nay vắng mặt tại địa phương không rõ thời điểm trở về. Toà án đã niêm yết đầy đủ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn niêm yết anh N không có văn bản trả lời và không mặt tại Toà án theo thông báo.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Toà án đã thông báo hoà giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho chị Ngô Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung, xử giao cháu Nguyễn Ngọc Tuyết M sinh ngày 12/10/2013 cho chị T trực tiếp nuôi, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T phải chịu tiền án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Ngô Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Văn N. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì T và anh N có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2010 tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau anh chị có mâu thuẫn xảy ra do không hợp tính nhau bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Chính quyền địa phương đã xác nhận mâu thuẫn của anh chị đã được

thôn bản hoà giải nhưng không có kết quả và từ năm 2020 đến nay anh chị đã sống ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, anh chị không còn chung sống cùng nhau nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh N.

[3]. Về con chung: Chị T và anh N có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tuyết M sinh ngày 12/10/2013, hiện nay cháu đang sống cùng chị T và có nguyện vọng ở với mẹ. Chị T đã cung cấp chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập của chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tâm, giao cháu M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng để cháu được ổn định cuộc sống và học tập. Do chị T không có yêu cầu về cấp dưỡng nên anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và công nợ chung, không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Ngô Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2/ Về con chung, xử giao cháu Nguyễn Ngọc Tuyết M sinh ngày 12/10/2013 cho chị Ngô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0003390 ngày 02/11/2021. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND phường T,  
TP V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Hoàng Thị Giang Thanh**



**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Giang Thanh**